

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2023/DS-PT

Ngày 29-3-2023

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tài Sử.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồng Chương và ông Lê Quốc Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Trang, là Thư ký viên của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tám – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27 tháng 12 năm 2022 và ngày 29 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 66/2022/TLPT-DS ngày 18 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”,

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2022/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo,

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 70/2022/QĐ-PT ngày 18 tháng 11 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 58/2022/QĐ-PT ngày 06 tháng 12 năm 2022, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 05/2022/QĐPT-DS ngày 27 tháng 12 năm 2022, Quyết định tạm đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án dân sự số: 01/2023/QĐ-PT ngày 27 tháng 01 năm 2023, Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án dân sự số: 02/2023/QĐPT-DS ngày 14 tháng 3 năm 2023 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số: 66/TB-DS ngày 14 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị H; địa chỉ: Số 16 N, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Viết B; địa chỉ: Số 16 N, thị trấn Ea T’ling, huyện C, tỉnh Đắk Nông (*theo văn bản ủy quyền ngày 18-01-2021*) – *Có mặt.*

- Bị đơn: Bà H’N Knul; địa chỉ: Buôn E, xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông – *Có mặt.*

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Khánh L; địa chỉ: Số 06 đường N, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông (*theo văn bản ủy quyền ngày 09-12-2020*) – *Có mặt.*

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Viết B; địa chỉ: Số 16 N, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông – *Có mặt.*
2. Anh Y Đ Kbuôr; địa chỉ: Buôn E, xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông – *Vắng mặt.*
3. Chị H'D Knul; địa chỉ: Buôn E, xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông – *Có mặt.*
4. Chị H'B Knul; địa chỉ: Buôn E, xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông – *Vắng mặt.*
5. Anh Y Đ M Knul; địa chỉ: Buôn E, xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông – *Vắng mặt.*
6. Anh Y D M Knul; địa chỉ: Buôn E, xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông – *Có mặt.*
7. Anh Y P Knul; địa chỉ: Buôn E, xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông – *Vắng mặt.*
8. Ông Y K Bkrông và bà H'L Hra; cùng địa chỉ: Buôn E, xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông – *Đề nghị xét xử vắng mặt.*
9. Ông Mai Quốc K và bà Nguyễn Thị L; cùng địa chỉ: Thôn 06, xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông – *Đề nghị xét xử vắng mặt.*
10. Ông Đàm Minh T và bà Trần Thị P; cùng địa chỉ: Tổ 15, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – *Đề nghị xét xử vắng mặt.*
11. Ông Nguyễn Viết C; địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông – *Đề nghị xét xử vắng mặt.*

- Người kháng cáo: Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Nguyễn Khánh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10-10-2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đỗ Thị H và người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Viết B (đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) trình bày:

Tháng 6-2015, ông bà nhận chuyển nhượng của ông Đàm Minh T, bà Trần Thị P thửa đất số 344, tờ bản đồ 05, diện tích 823m², tọa lạc tại buôn E, xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông với giá 180.000.000 đồng, có bàn giao đất trên thực địa. Do quen biết tin tưởng nhau nên đến tháng 05-2020 hai bên mới ra phòng công chứng làm thủ tục chuyển nhượng. Do ông bà chưa có nhu cầu sử dụng đất nên đã bị bà H'N Knul lấn chiếm trồng hoa màu. Ông bà nhiều lần yêu cầu bà H'N trả lại đất nhưng bà H'N không trả. Do đó, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà H'N cùng các thành viên trong gia đình bà H'N phải trả lại diện tích đất lấn chiếm là 823m².

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà H'N Knul và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp do ông Y S Kbuôr và bà H'N Knul nhận chuyển nhượng của ông Y K Bkrông và bà H'L Hra vào năm 1996, thuộc thửa đất số 167. Hai bên lập giấy viết tay không có công chứng, chứng thực. Ông Y K Bkrông đã giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*viết tắt là GCNQSDĐ*) số X đối với thửa đất nêu trên cho ông Y S và bà H'N. Do nhận thức pháp luật còn hạn chế nên hai bên không làm thủ tục sang tên theo quy định nhưng gia đình bà H'N đã rào đất để sử dụng nhiều năm nay. Việc bà H khởi kiện yêu cầu bà H'N trả lại đất là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Quá trình giải quyết vụ án, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Ông Y K Bkrông và bà H'L Hra: Năm 1993, ông Y K được Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện C cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 167, tờ bản đồ số 05, diện tích 1.770m², tọa lạc tại buôn E, xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông. Năm 1999, ông bà chuyển nhượng cho gia đình bà H'N, có lập giấy viết tay, ông bà đã giao GCNQSDĐ cho ông Y S và bà H'N quản lý. Phần đất tranh chấp nằm trong tổng diện tích 1.770m² mà ông bà đã chuyển nhượng cho ông Y S và bà H'N. Ông Y K không biết lý do vì sao lại có chữ ký của ông trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Mai Quốc K và bà Nguyễn Thị L vì thực tế ông không chuyển nhượng đất cho ông K, bà L.

- Ông Mai Quốc K và bà Nguyễn Thị L: Nguồn gốc đất tranh chấp do ông Y K khai hoang, đã được UBND huyện C cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 167, tờ bản đồ số 05, diện tích 1.770m². Năm 2001, ông Y K chuyển nhượng lại cho ông bà. Năm 2008, ông bà tách thành thửa đất số 344, tờ bản đồ số 05, diện tích 827m² và chuyển nhượng cho ông Nguyễn Viết C (*phần đất hiện đang tranh chấp*). Phần diện tích còn lại thuộc thửa đất số 167, tờ bản đồ số 05 ông bà chuyển nhượng cho ông Ch, bà S. Các hợp đồng chuyển nhượng đều đã được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật.

- Ông Nguyễn Viết C: Cách đây khoảng 10 năm, thông qua một người môi giới đất tên D, ông có nhận chuyển nhượng một thửa đất tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông. Đến khoảng năm 2011, ông chuyển nhượng lại cho người khác, ngoài ra ông không biết gì thêm.

- Ông Đàm Minh T và bà Trần Thị P: Ngày 09-12-2009, ông bà nhận chuyển nhượng của ông C thửa đất số 344, tờ bản đồ số 05, diện tích 823m², tọa lạc tại buôn E, xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông. Tháng 6-2015, ông bà chuyển nhượng lại cho ông B, bà H toàn bộ thửa đất này, tuy nhiên đến tháng 5-2020 hai bên mới làm thủ tục sang tên.

- Tòa án cấp sơ thẩm đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm anh Y Đ Kbuôr, chị H'D Knul, chị H'B Knul, anh Y Đ Knul, anh Y D Knul và anh Y P Knul đều vắng mặt nên không tiến hành lấy lời khai được. Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập lời khai của anh Y Đ Kbuôr, chị H'D Knul, chị H'B Knul, anh Y ĐM Knul, anh Y D M Knul, anh Y P Knul tại hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 32/2019/TLST-DS ngày 20-8-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông, kết quả: Nguồn gốc đất tranh chấp do ông Y S và bà H'N nhận chuyển nhượng của ông Y K và bà H'L từ năm 1996. Sau khi nhận chuyển nhượng, ông Y S và bà H'N dựng 01 căn nhà cấp 04 và cả gia đình cùng sinh sống trên đất. Năm 2003, ông Y S bị bệnh, thường xuyên quậy phá nên bà H'N cùng các anh chị chuyển lên xã H, thành phố B sinh sống, để lại nhà đất cho ông Y S sử dụng, đến năm 2008 quay về tiếp tục sinh sống trên đất nhưng không thường xuyên vì phải đi làm rẫy ở xã H.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2022/DS-ST ngày 06-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông đã quyết định: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1, 2, 4 Điều 91, Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp

dụng Điều 73 của Luật Đất đai năm 1993; khoản 3 Điều 690, Điều 691, Điều 692 của Bộ luật Dân sự năm 1995; khoản 3 Điều 49, Điều 52, Điều 105, Điều 106 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 3 Điều 688, Điều 689, Điều 693 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H.

- Buộc H'N Knul và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm anh Y Đ Kbuôr, chị H'D Knul, chị H'B Knul, anh Y Đ M Knul, anh Y P Knul và anh Y DM Knul phải trả lại cho bà H, ông B thửa đất số 344, tờ bản đồ số 05, diện tích 823m², tọa lạc tại buôn E, xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông, có tứ cận: Phía Bắc giáp thửa đất số 167 dài 46m; phía Nam giáp thửa đất số 168 dài 46m; phía Tây giáp đường liên xã dài 17,8m; phía Đông giáp thửa 169 dài 18m.

- Giao cho bà H, ông B được quyền sở hữu tài sản trên đất gồm: 60 cây cà phê trồng năm 2021 và hàng rào lưới thép B40 cao 1,2m; trụ bê tông rào xung quanh thửa đất số 344, tờ bản đồ số 05. Buộc bà H, ông B có nghĩa vụ hoàn trả giá trị tài sản trên đất là 12.680.000 đồng cho bà H'N Knul.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 19-9-2022, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Khánh L kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông:

- Về tố tụng: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán tham gia, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Khánh L nộp trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định.

[2]. Xét kháng cáo của bị đơn; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Tại Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 10-7-2001 giữa ông Y K với bà L thể hiện ông Y K chuyển nhượng cho bà L thửa đất số 167, tờ bản đồ số 05, diện tích đất 1.555m² theo GCNQSDĐ số X do UBND huyện C cấp ngày 28-11-1993. Tại Thông báo kết luận giám định số: 04/GĐTL/PC54 ngày 23-02-2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông kết luận chữ ký, chữ viết trong hợp đồng chuyển nhượng là của ông Y K. Đồng thời, Bản cam kết ngày 01-11-2001 của ông Y K (có xác nhận của buôn

trường buôn T và UBND xã T) thể hiện nội dung: “Tôi có một lô đất thổ cư đã được cấp GCNQSDĐ số X do UBND huyện C cấp ngày 28-11-93, nay gia đình tôi có nhu cầu chuyển nhượng lại lô đất nói trên cho chị Nguyễn Thị L, hiện thường trú tại thôn 6, xã T, C để lấy vốn đầu tư sản xuất...”. Như vậy, có căn cứ khẳng định ông Y K đã chuyển nhượng thửa đất số 167, tờ bản đồ số 05 nói trên cho bà L. Ngày 13-11-2003, bà L được UBND huyện Cư Jút cấp GCNQSDĐ số Y đối với thửa đất số 167, tờ bản đồ số 05, diện tích 1.555m². Ngày 24-3-2008, ông K, bà L chuyển nhượng cho ông C thửa đất số 344, tờ bản đồ số 05 (tách một phần từ thửa đất số 167). Ngày 09-12-2009, ông C chuyển nhượng cho ông T, bà P; ngày 12-12-2017, ông T, bà P được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông cấp GCNQSDĐ số Z. Tháng 5-2020, ông T, bà P lập hợp đồng công chứng chuyển nhượng lại thửa đất số 344 cho ông B, bà H; ngày 02-6-2020, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C xác nhận việc chuyển nhượng tại trang số 03. Trình tự, thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với các giao dịch trên được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật đất đai. Do đó, có căn cứ khẳng định ông B, bà H là người có quyền sử dụng hợp pháp đối với thửa đất 344, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại buôn E, xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

[2.2]. Bà H’N cho rằng bà nhận chuyển nhượng thửa đất số 167, tờ bản đồ số 05 của ông Y K, hai bên có lập giấy viết tay nhưng đã bị thất lạc, đối với giấy viết tay ghi ngày 30-11-1996 chỉ là văn bản do các bên hợp thức hóa sau này. Ngoài ra, bà H’N không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh việc nhận chuyển nhượng thửa đất số 167, tờ bản đồ số 95, diện tích 1.770m² từ ông Y K.

[2.3]. Từ những vấn đề nhận định, phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc bà H’N và các thành viên trong gia đình bà H’N phải trả lại diện tích đất tranh chấp cho bà H, ông B; giao cho bà H, ông B được quyền sở hữu tài sản trên đất và có nghĩa vụ hoàn trả giá trị tài sản trên đất cho bà H’N là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên, diện tích đất theo GCNQSDĐ là 823m² trong khi diện tích đất theo kết quả đo đạc là 890,6m² nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa tiến hành lồng ghép để xác định phần diện tích 823m² nằm ở vị trí nào trong tổng diện tích 890,6m² là không thể thi hành án được. Do đó, Hội đồng xét xử đã tạm ngừng phiên tòa để yêu cầu tổ chức đo đạc tiến hành lồng ghép kết quả đo đạc với GCNQSDĐ, đến nay đã có kết quả lồng ghép nên có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của ông L, sửa bản án sơ thẩm tuyên theo kết quả lồng ghép là phù hợp.

[2.4]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và thẩm định giá tài sản: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí thẩm định giá tài sản mà nguyên đơn đã nộp tạm ứng.

[4]. Về án phí:

- Bà H’N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với tranh chấp quyền sử dụng đất; bà H và ông B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần giá trị tài sản trên đất phải thanh toán cho bà H’N.

- Do Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

Chấp nhận một phần kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2022/DS-ST ngày 06-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

1. Căn cứ Điều 147, Điều 157, Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 73 của Luật Đất đai năm 1993; khoản 3 Điều 690, Điều 691, Điều 692 của Bộ luật Dân sự năm 1995; khoản 3 Điều 688, Điều 689, Điều 693 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị H: Buộc bà H'N Knul và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm anh Y Đ Kbuôr, chị H'D Knul, chị H'B Knul, anh Y Đ M Knul, anh Y P Knul, anh Y D M Knul phải trả lại cho bà Đỗ Thị H, ông Nguyễn Viết B thửa đất số 344, tờ bản đồ số 05, diện tích 823m², tọa lạc tại buôn E, xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Z do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày 12-12-2017 cho ông Đàm Minh T, bà Trần Thị P, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C xác nhận chuyển nhượng cho bà Đỗ Thị H vào ngày 02-6-2020, có tứ cận: Phía Bắc giáp thửa đất số 167 dài 45,5m; phía Nam giáp thửa đất số 168 dài 45,5m; phía Tây giáp đường liên xã dài 17,8m; phía Đông giáp diện tích đất còn lại trong tổng diện tích đất tranh chấp dài 18,4m (*có Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 10-3-2023 kèm theo*).

1.2. Bà Đỗ Thị H và ông Nguyễn Viết B được quyền sở hữu toàn bộ tài sản trên đất gồm: 60 cây cà phê trồng năm 2021 và hàng rào lưới thép B40 cao 1,2m; trụ bê tông rào xung quanh thửa đất số 344, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại buôn E, xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

1.3. Buộc bà Đỗ Thị H và ông Nguyễn Viết B phải thanh toán giá trị tài sản trên đất cho bà H'N Knul số tiền 12.680.000đ (*mười hai triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và thẩm định giá tài sản: Buộc bà H'N Knul phải hoàn trả cho bà Đỗ Thị H tổng số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và thẩm định giá tài sản là 7.800.000đ (*bảy triệu tám trăm nghìn đồng*).

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Đỗ Thị H và ông Nguyễn Viết B phải chịu 634.000đ (*sáu trăm ba mươi bốn nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số F ngày 16-10-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Nông; bà Đỗ Thị H và ông Nguyễn Viết B còn phải nộp tiếp số tiền 334.000đ (*ba trăm ba mươi bốn nghìn đồng*).

- Buộc bà H'N Knul phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà H'N Knul không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; trả lại cho ông Nguyễn Khánh L số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số J ngày 26-9-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Nông.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Cư Jút;
- VKSND huyện Cư Jút;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: TDS, THCTP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*Đã ký tên, đóng dấu*)

Nguyễn Tài Sử